

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: **20/2019/HSST.**

Ngày: 26/8/2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG -TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi.

2. Ông Đinh Đình Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê – Thư ký TAND huyện Kbang.

- Đại diện VKSND huyện Kbang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hữu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2019, tại Hội trường xét xử, TAND huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2019/HS-ST ngày 11/7/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh ngày 15/6/1990 tại: Q, T, H; Nơi thường trú: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 01/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết), vợ là Lê Thị T và 01 con sinh năm 2018 .

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 28/7/1991 tại: S, K, G; Nơi thường trú: Thôn 1, xã S, huyện K, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị Q.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Võ Xuân T, tên gọi khác: S, sinh ngày 15/10/1992 tại: S, K, G; Nơi thường trú: Thôn 3, xã S, huyện K, Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Võ Văn D và bà Lê Thị L, vợ là Lê Thị Y và 01 con sinh năm 2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Huỳnh Ngọc Q, sinh ngày 22/8/1995 tại: S, K, G; Nơi thường trú: Thôn 1, xã S, huyện K, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/4/2019 đến ngày 27/7/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Huỳnh Minh H, sinh ngày 05/01/1998 tại: S, K, G; Nơi thường trú: Thôn 5, xã S, huyện K, G; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Huỳnh Văn C và bà Nguyễn Thị H, vợ là Nguyễn Thị D.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến ngày 10/8/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Văn T, sinh ngày 02/11/1998 tại: S, K, G; Nơi thường trú: Thôn 5, xã S, huyện K, Gia L; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Phạm Thanh C và bà Nguyễn Thị P, vợ là Nguyễn Thị Kiều D và 01 con sinh năm 2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến ngày 26/7/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Phùng Ngọc B, tên gọi khác: Bậu, sinh năm 1988 tại: S, K, Gia Lai; Nơi thường trú: Thôn 3, xã S, huyện K, G; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Phùng Văn C và bà Nguyễn Thị N, vợ là Trần Thị B và 02 con, nhỏ nhất sinh năm 2013, lớn nhất sinh năm 2010.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2019 đến ngày 26/7/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Nguyên đơn dân sự:** Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Viết H, sinh năm 1982 – Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai.

Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 24/02/2019, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B (B), Võ Xuân T (S) rủ nhau đi khai thác gỗ Dổi trái phép (đào gốc) tại khu vực rừng gần Đầm Đui, xã S. Khi đi vào khu vực Đầm Đui, do phát hiện có lực lượng bảo vệ rừng đi tuần tra nên cả nhóm quyết định không đi làm nữa. Tại vị trí cách nhà đầm của ông Đinh Đ (tên gọi khác Bả Nghĩa) - thuộc tiểu khu 118 khoảng 12,4 m có bãi tập kết gỗ tang vật vụ án do Công ty TNHH MTV LN Sơ Pai đang thực hiện thu giữ vật chứng trong vụ án khác tại (tọa độ: OX: 512874, OY: 1577059); Quan sát xung quanh thấy không có người, N đã nói với cả nhóm nội dung lấy trộm ba hộp gỗ xẻ, loại gỗ Kháo đem về sử dụng. Tất cả đồng ý. Đúc điều khiển xe mô tô của Đ lại gần đóng gỗ và giữ xe để Q, T, N, B, T khiêng một hộp gỗ K kích thước (40x35)cm x 2,0m từ bãi tập kết gỗ lên xe của Đ rồi

buộc lại bằng giấy thun; Đ điều khiển xe lại dựng dựa vào cây mít gần nhà đầm. H điều khiển xe mô tô H lại và giữ xe để T, N, B, T, Đ tiếp tục khiêng một hộp gỗ Kháo kích thước (42x34)cm x 1,9m lên xe của H rồi buộc lại bằng giấy thun. Do xe của Đ đã chở gỗ trộm cắp nên Q buộc đồ vào xe của Q. T điều khiển xe mô tô của Trường lại và giữ xe để Đ, T, N, B khiêng một hộp gỗ K kích thước (42x30)cm x 2,0m lên xe của T. Sau đó, Đ nói Q chạy xe mô tô của Q đi trước để canh chừng, tránh việc bị lực lượng chức năng phát hiện. Đ điều khiển xe chở gỗ đi sau Q, rồi lần lượt đến T và H điều khiển xe mô tô chở gỗ đã trộm cắp đi sau Đ, đi theo đường mòn từ khu vực Đầm Đ ra khu vực sân bay, S; rồi đi theo đường mòn qua làng tái định cư Groi để đi về hướng thôn 3, S. Còn N, B, T đi mỗi người một xe mô tô của mình theo đường cây Chay về lại trung tâm xã S. Anh Đinh P là nhân viên bảo vệ rừng của Công ty TNHHMTVLN Sơ Pai trên đường vào khu vực Đầm Đ đi tuần tra đã gặp Q, Đ, T, H; phát hiện các đối tượng đang vận chuyển gỗ theo hướng ngược lại nhưng không kịp đuổi theo. Khi đến rẫy cà phê của anh Lê Xuân T trú tại thôn 3 Sơ Pai thì Q nói H việc gặp anh P nên cả hai dừng xe đem giấu hộp gỗ Kháo đã trộm cắp tại rẫy cà phê của anh T (tọa độ: OX: 510291, OY: 1577903) rồi đi về thôn 1, Sơ Pai ngồi uống nước. Sau khi giấu gỗ trộm cắp, Q điện thoại cho T nói rõ nội dung gặp anh P đi tuần tra nên giấu gỗ đi, lúc này T và Đ điều khiển xe mô tô chở gỗ đã trộm cắp đến giấu tại vị trí rẫy cà phê nhà ông Phùng Văn D - (tọa độ: OX: 509809, OY: 1577934); sau đó, Đ và T điều khiển xe mô tô về nhà rồi cùng đi vào xã S chơi.

Sau khi kiểm tra phát hiện mất trộm gỗ tại bãi tập kết gỗ tang vật vụ án, anh Ngọc Văn Q - người tham gia trong tổ thu giữ gỗ vật chứng đã điện thoại báo lại cho anh Nguyễn Văn T - Tổ trưởng tổ thu giữ gỗ vật chứng của Công ty TNHHMTV LN Sơ Pai và anh T đã báo cáo cho Lãnh đạo Công ty TNHHMTN LN Sơ Pai về nội dung vụ việc gỗ vật chứng bị trộm cắp. Công ty TNHHMTV LN Sơ Pai đã trình báo vụ việc đến cơ quan chức năng đề nghị làm rõ vụ việc trên và truy tìm tài sản bị mất trộm. Quá trình xác minh, Tổ liên ngành xã S đã phát hiện tài sản bị lấy trộm là 03 hộp gỗ xẻ, loại gỗ K với kích thước nêu trên tại vị trí các đối tượng cất giấu nên đã lập biên bản, tạm giữ tang vật theo quy định và báo cáo vụ việc đến Cơ quan điều tra Công an huyện Kbang theo quy định pháp luật.

Nhận được tin báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kbang đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác minh thu thập chứng cứ để xử lý theo quy định.

Tại kết luận giám định số: 10/KL-HĐGD ngày 14/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kbang xác định tại thời điểm bị chiếm đoạt với khối lượng 0,803m³ gỗ xẻ, loại gỗ Kháo, nhóm VI có giá trị 3.341.000đ (*ba triệu ba trăm bốn mươi một ngàn đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Tang vật vụ án đã được thu giữ, trả lại cho nguyên đơn dân sự là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai. Công ty đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập đến.

Về vật chứng:

Kết quả qua điều tra, xác minh xác định:

-Đối với xe mô tô mang BKS 81K5-8581, số khung: RPOWCHAPD5A0E5355, Số máy: VLFPD1P52FMH35A1E5355 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn Đức

-Đối với xe mô tô không mang biển số, số khung: VNIWCH013NT014650, số máy: LC150FMG01242210; là xe đã sửa chữa, độ chế của Huỳnh Minh Hùng.

-Đối với xe mô tô mang BKS 81H1-119.33 số khung: KMYCT100DYC838275, số máy: CT100E1937437; là tài sản hợp pháp của Phạm Văn Trường.

-Đối với xe mô tô không mang biển số, không xác định được nhãn hiệu, số máy: VKV1P52FMH-H603139, Số khung bị hàn, gỉ sét có các ký tự: LME7A010341; là tài sản hợp pháp của Huỳnh Ngọc Q đã sửa chữa, độ chế,

Ngày 24/02/2019 các bị cáo Đ, H, T, Q đã sử dụng vào việc vận chuyển gỗ trộm cắp nên Cơ quan điều tra tạm giữ xe mô tô nêu trên để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với xe các bị cáo N, T, B sử dụng vào việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xác định là xe của gia đình các bị cáo và việc các bị cáo sử dụng phương tiện để đi trộm cắp thì gia đình không hề biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ các phương tiện nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 10/7/2019, VKSND huyện Kbang đã truy tố Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Kbang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Đồng thời đề nghị HĐXX:

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 58, Điều 54; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T: Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Huỳnh Ngọc

Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Phùng Ngọc B và Nguyễn Xuân T.

Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo từ 5 tháng đến 5 tháng 15 ngày tù.

Bị cáo Võ Xuân T từ 4 tháng đến 5 tháng tù.

Bị cáo Huỳnh Minh H từ 3 tháng 15 ngày đến 4 tháng tù.

Bị cáo Huỳnh Ngọc Q, Phạm Văn T và Phùng Ngọc B mỗi bị cáo từ 3 tháng đến 4 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Số gỗ các bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho Nguyên đơn dân sự là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơn Lai. Công ty đã nhận đầy đủ và không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô mang BKS 81K5-8581, số khung: RPOWCHAPD5A0E5355, Số máy: VLFPD1P52FMH35A1E5355 là tài sản hợp pháp của Nguyễn Văn Đ; 01 (một) xe mô tô không mang biển số, số khung: VNIWCH013NT014650, số máy: LC150FMG01242210; là xe đã sửa chữa, độ chế của Huỳnh Minh H; 01 (một) xe mô tô mang BKS 81H1-119.33 số khung: KMYCT100DYC838275, số máy: CT100E1937437; là tài sản hợp pháp của Phạm Văn T và 01 (một) xe mô tô không mang biển số, không xác định được nhãn hiệu, số máy: VKV1P52FMH-H603139, Số khung bị hàn, gỉ sét có các ký tự: LME7A010341; là tài sản hợp pháp của Huỳnh Ngọc Q đã sửa chữa, độ chế. Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc vận chuyển gỗ trộm cắp nên đề nghị tịch thu bán sung ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (HSST) theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận gì.

Các bị cáo trình bày là đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kbang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kbang đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 24/02/2019 Nguyễn Văn N cùng đồng bọn rủ nhau đi khai thác gỗ Dồi trái phép tại khu vực rừng gần Đầm Đ, xã S. Khi đi vào khu vực Đầm Đ, do phát hiện có lực lượng bảo vệ rừng đi tuần tra nên cả nhóm không đi làm nữa, tại đây N cùng đồng bọn phát hiện có 03 hộp gỗ Kháo đã xẻ của Cty TNHH MTV LN Sơ Pai là gỗ vật chứng trong vụ án khác trong giai đoạn thu giữ vật chứng tại khu vực Đầm Đ thuộc tiểu khu 118. Bị cáo N nảy sinh ý định nên đã rủ Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B, Võ Xuân T trộm cắp 03 hộp gỗ trên, sau khi quan sát không thấy người trông coi các bị cáo đã lén lút trộm cắp và chở đi cất giấu 0.803m³ gỗ xẻ kháo vàng trị giá là: 3.341.000 đồng.

[3] Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T đã phạm vào tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau:

Trong vụ án này, Nguyễn Văn N là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi nhìn thấy 03 hộp gỗ xẻ thì đã nảy sinh ý định trộm cắp đem về sử dụng nên rủ các bị cáo còn lại cùng thực hiện hành vi. Bị cáo đã cùng các bị cáo khiêng gỗ lên xe để vận chuyển gỗ đi cất giấu. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực. Khi được bị cáo N rủ trộm cắp gỗ thì các bị cáo đã không do dự mà đồng ý ngay, các bị cáo thay nhau khiêng gỗ lên xe cho bị cáo T, Đ và H chở gỗ đi cất giấu; bị cáo Q đã sử dụng xe của mình để đi canh đường và là người báo cho các bị cáo có lực lượng bảo vệ rừng để các bị cáo H, Đ, T chở tài sản trộm cắp đi cất giấu nên các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm. Hành vi của các bị cáo chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, trong quá trình thực hiện các bị cáo không có sự phân công vai trò cụ thể cho từng bị cáo mà hành vi của các bị cáo

chỉ mang tính bộc phát, tức thời nên khi quyết định hình phạt cần phải xem xét tính chất và mức độ của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đây là lần đầu các bị cáo phạm tội. Riêng bị cáo Nguyễn Văn Đ có nhân thân xấu, tại bản án số 26/2013/HSST ngày 15/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện kbang, tỉnh Gia Lai, xử phạt bị cáo 5 năm tù về tội “ cố ý gây thương tích”. Ngày 31/8/2015 bị cáo được đặc xá tha tù trước thời hạn theo Quyết định của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, lần phạm tội này của bị cáo Đ không được coi là phạm tội lần đầu.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T đều đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho nguyên đơn dân sự; Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà HĐXX xem xét áp dụng đối với cả 07 bị cáo.

Riêng bị cáo Phùng Ngọc B có bố là thương binh, được nhà nước phong tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, em gái bị cáo là người khuyết tật có giấy xác nhận của UBND xã Sơ Pai. Bị cáo Võ Xuân T có thời gian tham gia thực hiện nghĩa vụ từ năm 2011 đến 2013. Đây là những tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà HĐXX xem xét áp dụng đối với cả 02 bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS mà HĐXX xem xét áp dụng đối với 06 bị cáo.

Do vậy, HĐXX cũng đã cân nhắc để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo. **Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên HĐXX áp dụng Điều 54 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với cả 07 bị cáo.**

[6] Qua ý kiến luận tội của đại diện VKS đã đề nghị hướng xử lý vụ án. Sau khi xem xét nhân thân của các bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành

vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với từng bị cáo, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Song xuất phát từ động cơ, mục đích vụ lợi cá nhân, muốn lấy trộm gỗ để sử dụng mà các bị cáo đã có hành vi phạm tội như đã nói ở trên. Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo hình phạt tù giam nghiêm khắc mới đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, HĐXX cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để quyết định hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

[7] Liên quan trong vụ án có anh Nguyễn Tiến H đã cùng bị cáo Phạm Văn T và Huỳnh Minh H rủ nhau đi khai thác gỗ Dổi tại khu vực Đầm Đ, S, nhưng sau đó xe của anh bị hư nên anh đã không đi cùng các bị cáo; anh không biết sau đó các bị cáo rủ nhau đi trộm cắp tài sản nên tại phiên tòa hôm nay HĐXX xem xét Hùng với vai trò là người làm chứng trong vụ án.

Mở rộng điều tra phát hiện vào ngày 24/02/2019 các bị cáo Nguyễn Văn N, Phùng Ngọc B, Võ Xuân T đã thực hiện hành vi vận chuyển trái phép 02 hộp gỗ Dổi, nhóm III, kích thước mỗi hộp khoảng (20x40x60)cm từ rừng gần đường cây Chay, Sơ Pai về để tại nhà bà Tường Thị Quyết trú tại làng Buôn Lưới, Sơ Pai; nguồn gốc hai hộp gỗ Dổi này do Nguyễn Văn N khai thác trái phép vào khoảng tháng 01/2019. Ngày 04/6/2019, Cơ quan điều tra đã cùng đại diện gia đình bà Tường Thị Q tiến hành kiểm tra, truy tìm vật chứng nhưng không phát hiện được số gỗ trên; hiện nay, không thể xác định được số gỗ này đang ở đâu. Xét thấy hành vi khai thác, vận chuyển lâm sản của Nguyễn Văn N, hành vi vận chuyển lâm sản của Phùng Ngọc B, Võ Xuân T đã vi phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng; Cơ quan điều tra tiến hành tách hồ sơ, chuyển Hạt kiểm lâm huyện Kbang xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[8] **Về trách nhiệm dân sự:** Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho Nguyên đơn dân sự là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai. Công ty đã nhận đầy đủ không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9] **Về xử lý vật chứng:**

-01 (một) xe mô tô không có biển kiểm soát, loại xe độ chế, không xác định được nhãn hiệu, số khung bị hàn, gỉ sét chỉ xác định được các ký tự: LME7A010341, số máy: VKV1P52FMH-H603139.

-01 (một) xe mô tô không có biển kiểm soát, loại xe độ chế, chưa xác định nhãn hiệu, số khung: VNIWCH013NT014650, số máy: LC150FMG01242210.

-01(một) xe mô tô mang biển kiểm soát 81K5-8518, màu sơn hồ sơ đăng ký: xanh, số loại 110, nhãn hiệu: DAEMOT, dung tích xi lanh: 107, số khung: RP0WCHAPD5A0E5355, số máy VLFPD1P52FMH-35A1E5355 (qua kiểm tra thực tế hiện trạng xe là màu trắng, đen, đỏ, dán nhãn Sirius).

-01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 81H1-11933, màu sơn hồ sơ đăng ký: nâu, số loại C100, nhãn hiệu SUPERSIVA, dung tích xi lanh: 97, số khung: KMYCT100DYC838275, số máy: CT100E1937437 (qua kiểm tra thực tế hiện trạng xe dán nhãn Super Dream).

Qua điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay xác định các xe mô tô trên là tài sản của các bị cáo và các bị cáo đã sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu bán sung Ngân sách nhà nước.

[10] **Về hình phạt bổ sung:** Xét thấy các bị cáo chưa được thu lợi bất chính từ việc trộm cắp tài sản, không có việc làm ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[11] Xét quan điểm đường lối giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với các bị cáo, về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[12] **Về án phí:** Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B**, tên gọi khác: **B** và **Võ Xuân T**, tên gọi khác: **S**, phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”**.

[2] -Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 58, **Điều 54**; các điểm h, s khoản 1, Điều 51 của BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B;

-Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phùng Ngọc B.

-Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn N, Huỳnh Ngọc Q, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N 5 (năm) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 26/4/2019).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Đ 5 (năm) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 27/4/2019).

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Minh H 3 (ba) tháng 15 (mười lăm) ngày tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 26/4/2019). Được trừ 3 tháng 15 ngày tạm giam

trước (từ ngày 26/4/2019 đến ngày 10/8/2019). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc Q 3 (ba) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 27/4/2019). Được trừ 3 tháng tạm giam trước (từ ngày 27/4/2019 đến ngày 27/7/2019). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T 3 (ba) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 26/4/2019). Được trừ 3 tháng tạm giam trước (từ ngày 26/4/2019 đến ngày 26/7/2019). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Xử phạt bị cáo **Phùng Ngọc B 3 (ba) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 26/4/2019). Được trừ 3 tháng tạm giam trước (từ ngày 26/4/2019 đến ngày 26/7/2019). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 58, Điều 54; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 328, Điều 363 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đối với bị cáo Võ Xuân Trung:

Xử phạt bị cáo **Võ Xuân T 4 (bốn) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 26/4/2019).

Tuyên trả tự do cho bị cáo Võ Xuân T ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[3] -**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu bán sung vào ngân sách Nhà nước đối với:

Một xe mô tô không có biển kiểm soát, loại xe độ chế, không xác định được nhãn hiệu, số khung bị hàn, gi sét chỉ xác định được các ký tự: LME7A010341, số máy: VKV1P52FMH-H603139.

Một xe mô tô không có biển kiểm soát, loại xe độ chế, chưa xác định nhãn hiệu, số khung: VNIWCH013NT014650, số máy: LC150FMG01242210.

Một xe mô tô mang biển kiểm soát 81K5-8518, màu sơn hồ sơ đăng ký: xanh, số loại 110, nhãn hiệu: DAEMOT, dung tích xi lanh: 107, số khung: RP0WCHAPD5A0E5355, số máy VLFDP1P52FMH-35A1E5355 (qua kiểm tra thực tế hiện trạng xe là màu trắng, đen, đỏ, dán nhãn Sirius).

Một xe mô tô mang biển kiểm soát 81H1-11933, màu sơn hồ sơ đăng ký: nâu, số loại C100, nhãn hiệu SUPERSIVA, dung tích xi lanh: 97, số khung: KMYCT100DYC838275, số máy: CT100E1937437 (qua kiểm tra thực tế hiện trạng xe dán nhãn Super Dream).

(Đặc điểm cụ thể vật chứng nói trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/8/2019 giữa Công an huyện Kbang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang).

[4] **Về hình phạt bổ sung:** Xét thấy các bị cáo chưa được thu lợi bất chính từ việc trộm cắp tài sản, không có việc làm ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[5] - **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Ngọc Qu, Huỳnh Minh H, Phạm Văn T, Phùng Ngọc B và Võ Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện.
- Cơ quan CSĐT công an huyện.
- Các bị cáo.
- Nguyên đơn dân sự.
- Chi cục THADS huyện.
- (Khi án có HLPL).*
- Lưu HSVA,VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Phương